

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HS-PT
Ngày 30 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Như L - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 228/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/. **Phạm Văn T1**, sinh năm 01/01/1951, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12 (biết viết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); vợ tên Hồ Thị H, sinh năm 1955; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1985; tiền án tiền sự: Không có; Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

2/. **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 01/01/1974, tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh). Nơi cư trú: Tổ A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ A, ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); vợ tên Nguyễn Thị

Đ1 sinh năm 1973; có 02 người con lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

3/. **Phùng Lâm Đ**, sinh ngày 04/02/1982, tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh). Nơi cư trú: số G, đường A- C, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là số G, đường A- C, khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Mười H2, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị S1 sinh năm 1956; vợ tên Phạm Thị Hồng X, sinh năm 1984; có 03 người con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C: Luật sư Nguyễn Hữu L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2018, bị cáo Phạm Văn T1 có nhu cầu hạ cấp mặt bằng đất tại các thửa đất 2112, từ 2123 đến 2128 và 2130 tờ bản đồ số 13 (nay là các thửa đất 01, 02, 07, 08, 09 và 15 tờ bản đồ số 48) của gia đình, tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh để sản xuất nông nghiệp. Biết được nhu cầu của bị cáo T1 thì bị cáo Nguyễn Văn C rủ bị cáo Phùng Lâm Đ cùng các ông Nguyễn Thanh Đ2, sinh năm 1982, ngụ khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; ông Lâm Văn Q, sinh năm 1981, ngụ Khu phố E, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh bàn bạc với nhau và cử bị cáo C trao đổi, thỏa thuận với bị cáo T1 nhận hợp đồng hạ cấp mặt bằng (móc đất) nhằm khai thác đất dôi dư, bán chia lợi nhuận. Trong đó, bị cáo C, Đ có vai trò thuê phương tiện móc đất, ông Đ2 thực hiện các thủ tục pháp lý xin cấp phép, ông Q góp tiền hùn vốn. Đến tháng 6/2019, việc hạ cấp mặt bằng thực hiện xong theo dự án được phê duyệt, khối lượng đất dôi dư được đồ dôn về thửa 2112 (nay là thửa 01), bị cáo T1 tiếp tục làm thủ tục xin phép khai thác tận thu đất dôi dư.

Đến ngày 29/9/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 2443 phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khối lượng đất dôi dư nêu trên. Từ thời điểm này, ông Đ2 có văn bản rút khỏi nhóm, không tiếp tục tham gia khai thác; ông Q chỉ góp vốn, nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình khai thác.

Khoảng đầu tháng 10/2021, các bị cáo T1, C và Đ bắt đầu khai thác khối lượng đất dôi dư đến ngày 26/11/2021 thì bị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C phối hợp cùng UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh kiểm tra dự án phát hiện vi phạm trong việc khai thác đất khi chưa có giấy phép, nên yêu cầu tạm dừng.

Sau khi bị cáo T1 đóng thuế khai thác khoáng sản xong đến ngày 01/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T có văn bản số 7752 đồng ý cho khai thác đất dôi dư với khối lượng 35.974,64m³ từ phương án hạ cấp mặt bằng

nếu đã phê duyệt. Trong các ngày 01/12/2021, 29/12/2021, bị cáo T1 có văn bản thỏa thuận với bị cáo C và Đ là chỉ được khai thác tận dụng đất dôi dư theo nội dung Nhà nước cấp phép và tự chịu trách nhiệm nếu khai thác trái phép; bị cáo T1 quản lý, thu tiền bán đất với giá 550.000 đồng/1 xe thông qua hóa đơn của các tài xế chở đất và camera gắn tại công trình. Khi khai thác đất dôi dư, bị cáo C và Đ thuê ông Lê Văn K trông coi, quản lý tại công trình; ông Lê Văn L2 và ông Nguyễn Văn H3 điều khiển xe máy đào bánh xích mức đất đổ lên các xe ô tô hiệu Kamaz và H4 do bị cáo C thuê chở đi bán, trung bình mỗi ngày khai thác từ 30 đến 40 xe (loại xe ô tô tải ben có công suất 8m³ và 10m³) với giá bán từ 1.100.000 đồng đến 1.600.000 đồng/ 01 xe. Thỏa thuận mỗi xe, bị cáo T1 hưởng 550.000 đồng, trừ 400.000 đồng các khoản chi phí đã bỏ ra, số tiền còn lại chia đều cho mỗi người trong nhóm (Chia, Đ, Q).

Trong quá trình khai thác đất, bị cáo T1 cùng bị cáo C và bị cáo Đ thống nhất với nhau là yêu cầu ông L2, ông H3 móc đất xuống sâu hơn, để lấy loại đất sét, sạn sỏi bán có giá trị cao hơn có diện tích 12.582m², với khối lượng 25.449m³ đất các loại bị khai thác trái phép. Sau đó thuê ông Nguyễn Văn B1, ông Phạm Văn C2 điều khiển các xe bánh xích nhãn hiệu SUMITOMO và KOBELCO cào, lấy phần đất dôi dư đang tập kết tại thửa đất 01 tờ bản đồ số 48 (thửa đất cũ 2112 tờ bản đồ số 13), trả lại phần đất đã bị móc sâu hơn, không được phép khai thác.

Đến ngày 26/01/2022, UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh kiểm tra thì phát hiện bị cáo C, bị cáo Đ lợi dụng việc tận dụng đất dôi dư để khai thác trái phép, nên đã lập biên bản ghi nhận hiện trạng và báo cáo UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 27/01/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Tây Ninh tiến hành kiểm tra hoạt động khai thác tận dụng đất dôi dư của dự án hạ cấp mặt bằng để cải tạo đất sản xuất nông nghiệp của bị cáo T1 thì phát hiện ông B1, ông C2 điều khiển xe bánh xích cào, san lấp mặt bằng tại thửa đất 01 tờ bản đồ số 48, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Tại Bản kết luận giám định trong lĩnh vực tư pháp ngày 08/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T kết luận: Phần diện tích khai thác trái phép 12.582m², khối lượng khai thác trái phép là 25.449m³ (Trong đó, đất san lấp là 20.243m³, sạn sỏi laterit là 2.700m³ và sét gạch ngói là 2.506m³).

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 15 ngày 28/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tây Ninh, thời điểm ngày 27/01/2022, kết luận: Khoáng sản đất làm vật liệu san lấp thông thường khối lượng 25.449m³. Trong đó: đất san lấp là 20.243m³ x 130.000 đồng/1m³ = 2.631.590.000 đồng; sạn sỏi laterit là 2.700m³ x 170.000 đồng/1m³ = 459.000.000 đồng; sét gạch ngói là 2.506m³ x 170.000 đồng/1m³ = 426.020.000 đồng); tổng giá trị là 3.516.610.000 đồng.

Trên cơ sở kết quả giám định, định giá và qua kết quả điều tra xác định: số tiền bán 01 xe chở 10 m³ đất san lấp là 130.000 đồng/10m³; đất sạn sỏi laterit và sét gạch ngói là 170.000 đồng/10m³; tổng cộng đã khai thác 2.544,9 xe. Số tiền hưởng lợi từ việc khai thác khoáng sản trái phép (sau khi đã trừ chi phí 400.000 đồng/1xe = 1.017.960.000 đồng): Bị cáo Phạm Văn T1 là 1.399.695.000 đồng; bị

cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Phùng Lâm Đ mỗi người là 526.977.500 đồng; ông Lâm Văn Q là 45.000.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Văn Đồng phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

1/. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 227; điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2/. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3/. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phùng Lâm Đ 01 (một) năm tù**, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật, mức hình phạt đã áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ và người bào chữa cho bị cáo T1, bị cáo C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe, tuy nhiên đơn của các bị cáo nộp qua đường bưu điện mà không có xác thực chữ ký là không hợp lệ về hình thức, đồng thời kèm theo đơn không có các giấy tờ về y tế (giấy nhập viện, xác nhận tình trạng bệnh của cơ sở y tế, toa thuốc,...) chứng minh lý do xin hoãn phiên tòa của các bị cáo nên không có cơ sở xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là phiên tòa được mở lần thứ 2, các bị cáo và người bào chữa vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan, vì vậy căn cứ điểm d khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 291 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo và người bào chữa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Phạm Văn T1 được UBND tỉnh T phê duyệt thực hiện phương án “Hạ cấp mặt bằng để sản xuất đất nông nghiệp, kết hợp tận thu đất dôi dư” tại xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tại Quyết định 2443/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh T phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khối lượng đất dôi dư từ phương án hạ cấp mặt bằng và khối lượng đất được tận thu là 35.974,64m³ tại thửa số 01 tờ bản đồ 48, nơi tập kết đất dôi dư. Theo Công văn số 7752 ngày 01/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T thì thời gian thực hiện tận thu đất dôi dư là 12 tháng kể từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/11/2022, bị cáo T1 đã nhận thông báo vào ngày 02/12/2021. Qua tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án và đối chiếu sổ sách ghi chép của hộ bị cáo T1 thể hiện các bị cáo đã khai thác sai vị trí, không được phép tận thu; tại bản kết luận giám định lĩnh vực tư pháp ngày 28/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T kết luận: Phần diện tích đất khai thác trái phép là 12.582m², khối lượng khai thác trái phép là 25.449m³, trong đó đất san lấp là 20.243m³; sạn sỏi laterit là 2.700m³; sét gạch ngói là 2.506m³. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng số 15 ngày 28/12/2023 của Hội đồng định giá kết luận tổng giá trị là 3.516.610.000 đồng. Tổng khối lượng đất khai thác trái phép là 25.449m³, toàn bộ khối lượng đất trên đều khai thác từ trong lòng đất, đều là khoáng sản.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm b, c khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã lợi dụng việc được cấp quyền khai thác tận thu đất dôi dư để khai thác đất trái phép với khối lượng lớn, gây ảnh hưởng đến quy hoạch môi trường sinh thái, tiềm ẩn nguy cơ hiểm họa do thay đổi địa chất. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nguyện vọng được san lấp khôi phục lại hiện trạng ban đầu; bị cáo T1 là người cao tuổi, có quá trình tham gia cách mạng; bị cáo T1, bị cáo C được chính quyền địa phương tặng giấy khen do có thành tích tốt trong quá trình sinh hoạt tại địa phương. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 01 năm 03 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn C 09 tháng tù, bị cáo Phùng Lâm Đ 01 năm tù – mức hình phạt dưới khung là đã có xem xét, chiếu cố đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cũng như xin được hưởng án treo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Văn Đồng phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

1/. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 227; điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2/. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3/. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 227; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phùng Lâm Đ 01 (một) năm tù**, thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Văn C, Phùng Lâm Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (4);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh (1);
- Công an tỉnh Tây Ninh (1);
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Tây Ninh (6);
- Lưu VP(5), HS(2) 23B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy